

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 288/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Kế hoạch thông tin, truyền thông y tế năm 2025****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-BYT ngày 10/01/2023 của Bộ Y tế ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Bộ Y tế;

Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách;

Căn cứ Báo cáo số 1748/BC-BYT ngày 18/12/2024 của Bộ Y tế về việc tổng kết công tác y tế năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch thông tin, truyền thông y tế năm 2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Ban Tuyên Giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, VPB9.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Liên Hương

**KẾ HOẠCH
THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG Y TẾ NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 288/QĐ-BYT ngày 23/01/2025 của Bộ Y tế)

Thời gian qua, công tác truyền thông, thông tin y tế đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, đặc biệt là trong công tác truyền thông chính sách, truyền thông các sự kiện y tế tiêu biểu khẳng định được vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Với việc ra mắt chính thức Mạng lưới Truyền thông ngành y tế từ trung ương đến cấp quận/huyện/thị xã (với hơn 1.500 đầu mối cán bộ truyền thông các cấp), hệ thống truyền thông y tế đã được thiết lập và xác định vai trò, nhiệm vụ mới với việc đổi mới tư duy, phương thức truyền thông hiệu quả nhằm đáp ứng kịp thời những mục tiêu, nhiệm vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

Năm 2025, ngành y tế tập trung thực hiện các nhiệm vụ được Đảng, Quốc hội, Chính phủ giao phó, đồng thời, thực hiện các hoạt động hướng tới kỷ niệm 70 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955 – 27/02/2025); đặc biệt, là năm diễn ra sự kiện có ý nghĩa trọng đại của đất nước tổ chức đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025- 2030, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện lịch sử quan trọng. Với mục tiêu phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng; tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách y tế; tập trung kiểm soát các dịch bệnh mới nổi; tăng cường y tế cơ sở, y tế dự phòng; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; bảo hiểm y tế; dân số và phát triển; đảm bảo an ninh y tế,... Bộ Y tế xây dựng kế hoạch thông tin, truyền thông y tế năm 2025 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH

Tăng cường phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đến cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các Bộ, Ban, Ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân để tạo sự đồng thuận trong việc thực thi chính sách và ủng hộ, cùng tham gia các hoạt động của ngành y tế; xây dựng hệ thống truyền thông ngành y tế chủ động nắm bắt, chủ động xử lý và chủ động cung cấp thông tin (3C) đặc biệt cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng, minh bạch và hiệu quả về các lĩnh vực của y tế.

II. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG

1. Truyền thông chính sách công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Tăng cường truyền thông chính sách, các quan điểm chỉ đạo, định hướng chính sách của cấp ủy Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Y tế, các nội dung của Đại hội Đảng các cấp nhiệm vụ 2025-2030, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; sự nỗ lực, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong việc chỉ đạo, triển khai công tác y tế.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách.

- Truyền thông về các chính sách mới về Luật, Nghị định, Thông tư, Đề án, Chiến lược, các văn bản quy phạm pháp luật đã hoặc mới ban hành và đang có hiệu lực thi hành: Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới, Nghị quyết 20-NQ/TW của Đảng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược số 44/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15; Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; Luật Đấu thầu (sửa đổi) quy định thuộc lĩnh vực y tế; Các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách lĩnh vực y tế ban hành năm 2024 (*Chi tiết tại Phụ lục 1*) và các văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình xây dựng theo Chương trình công tác năm 2025 của Bộ Y tế.

2. Các nội dung truyền thông hoạt động hướng tới kỷ niệm 70 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/02); tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2025 căn cứ hướng dẫn số 184-HD/BTGTW ngày 31/12/2024 của Ban Tuyên giáo Trung ương và truyền thông các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm công tác y tế năm 2025 căn cứ báo cáo của Bộ Y tế tổng kết công tác y tế năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2025 (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

3. Truyền thông về các thành tựu, sự kiện y tế nổi bật, kết quả các hoạt động tiêu biểu của đơn vị: công tác khám chữa bệnh đạt được các thành tựu kỹ thuật y khoa chuyên sâu, công trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; các ca bệnh lần đầu tiên được triển khai tại đơn vị, các ca bệnh hiếm gặp, kỹ tích y khoa, đảm bảo cung ứng dịch vụ y tế, thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế,... nhằm phục vụ công tác chăm sóc toàn diện người bệnh và nâng cao sự hài lòng của người bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh; kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại; cải cách hành chính; chuyển đổi số y tế, nâng cao chất lượng cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Chính phủ phê duyệt Đề án Tuyên truyền phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Truyền thông giáo dục sức khỏe, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin về dịch bệnh, bệnh tật, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe; thực hiện truyền thông nguy cơ giúp người dân nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe và chủ động phòng ngừa dịch bệnh, dinh dưỡng hợp lý, môi trường sống, lối sống lành mạnh và khoa học để bảo vệ và nâng cao sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng; tuân thủ các quy định về bảo hiểm y tế và tích cực tham gia bảo hiểm y tế toàn dân, ủng hộ và tham gia hoạt động chăm sóc sức khỏe tại địa phương, đơn vị. Tiếp tục triển khai hiệu quả trong toàn ngành y tế thực hiện Quyết định số 02/QĐ-BYT ngày 02/01/2020 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch tổng thể truyền thông nguy cơ sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030.

5. Truyền thông dân số và phát triển; công tác truyền thông - giáo dục về chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là các giải pháp để duy trì mức

sinh thay thế bền vững trên phạm vi cả nước phù hợp với vùng, miền, đối tượng dân cư và số lượng, chất lượng dân số; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết 21- NQ/TW của Đảng và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường truyền thông chính sách kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn thể nhân dân tạo môi trường xã hội đồng thuận trong việc thực thi các quy định, chính sách y tế.

2. Vận hành Mạng lưới Truyền thông ngành y tế nhằm đổi mới nội dung và phương thức truyền thông y tế thông qua việc tăng cường hoạt động của mạng lưới truyền thông y tế từ trung ương đến địa phương; chủ động chia sẻ, trao đổi thông tin y tế giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, y tế các cấp trong các hoạt động truyền thông nhằm thực hiện tốt nguyên tắc (3C) là Chủ động nắm bắt, chủ động xử lý, chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời không để xảy ra các sự cố thông tin y tế.

3. Tập trung truyền thông Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; truyền thông vào các tháng cao điểm truyền thông như dịp kỷ niệm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/2), trước, trong các kỳ họp quốc hội, các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2025 của đất nước, của ngành y tế.

4. Tăng cường công tác báo chí, quản lý báo chí ngành y tế; Thực hiện hiệu quả Đề án quy hoạch các cơ quan báo chí ngành y tế đến năm 2025, tầm nhìn 2030 theo Quyết định số 5769/QĐ-BYT ngày 11/12/2019 của Bộ Y tế; Chiến lược chuyển đổi số báo chí ngành y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1143/QĐ-BYT ngày 03/5/2024 của Bộ Y tế; Quản lý công tác xuất bản, triển lãm; công tác giáo dục truyền thống lịch sử ngành y tế góp phần thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

5. Phối hợp truyền thông giữa các bộ, ngành, đoàn thể, huy động sự tham gia của đơn vị trong và ngoài ngành y tế, tăng cường hợp tác y tế tăng cường truyền thông về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

6. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới từ tư duy, phương pháp thực hiện nội dung và hình thức truyền thông y tế: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự, tin bài, sách, ảnh, sự kiện truyền thông; lồng ghép nội dung truyền thông y tế vào các chương trình văn hóa, nghệ thuật, giải trí trên các phương tiện thông tin đại chúng; tập trung khai thác, phát triển và tận dụng tối đa lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông kỹ thuật số, truyền thông mới để tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, dịch vụ tư vấn, loại hình, kênh truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng đặc thù.

7. Đẩy mạnh truyền thông giáo dục y đức, y nghiệp, các phong trào thi đua yêu nước, rèn luyện y đức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, nhân viên y tế và sinh viên

các trường y, dược. Tổng kết phong trào thi đua “Ngành Y tế 70 năm làm theo lời Bác”, biểu dương, tuyên truyền những tấm gương người tốt việc tốt, Anh hùng lao động, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, các tập thể, cá nhân có thành tích nổi bật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

8. Nâng cao năng lực quản lý thông tin, truyền thông y tế cho cán bộ, nhân viên toàn ngành, chú trọng về truyền thông số, truyền thông nguy cơ, truyền thông giáo dục sức khỏe, triển khai Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin.

9. Tiếp tục tổ chức thực hiện đánh giá và kiểm tra, giám sát triển khai công tác truyền thông trong đó: công tác chỉ đạo tuyến, Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Bộ Y tế ban hành tại Quyết định số 56/QĐ-BYT ngày 10/01/2023 của Bộ Y tế,... Triển khai tốt thực hiện Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 của Quốc hội khóa 13, Nghị định 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Tại Trung ương

Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế căn cứ nhiệm vụ và lĩnh vực chuyên môn do đơn vị phụ trách, phối hợp chặt chẽ để triển khai các hoạt động sau đây:

1.1. Tham mưu, cung cấp thông tin về công tác y tế đến lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Quốc hội, các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương thông qua phóng sự, tài liệu, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, mít tinh... nhằm tạo được sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo trong xây dựng, ban hành chính sách, đầu tư nguồn lực cho công tác y tế. Tiếp tục truyền thông kết quả đạt được trong lĩnh vực y tế thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII.

1.2. Tăng cường truyền thông chính sách hiệu quả thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách tại Bộ Y tế, đơn vị mình. Đầu tư nguồn lực, vật lực, nhân lực thực hiện truyền thông chính sách. Đặc biệt, chú trọng truyền thông chính sách thông qua việc xây dựng kế hoạch truyền thông từ quá trình dự thảo, xây dựng, hoàn thiện và thực thi chính sách thuộc lĩnh vực của cơ quan, đơn vị phụ trách; đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách đã ban hành năm 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình xây dựng theo Chương trình công tác năm 2025 của Bộ Y tế.

1.3. Tăng cường hoạt động của mạng lưới truyền thông y tế từ trung ương đến địa phương, tiếp tục mở rộng mạng lưới truyền thông y tế đến tuyến cơ sở; chủ động chia sẻ, trao đổi thông tin y tế giữa các đơn vị, y tế các cấp.

Vận hành và hoạt động mạng lưới truyền thông y tế từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm: đơn vị thường trực (Văn phòng Bộ - Bộ Y tế) nắm bắt, chia sẻ, trao đổi thông tin với các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Y tế tỉnh, thành phố, các bệnh viện, đơn vị trực thuộc Sở.

Phân công nhiệm vụ, cán bộ của đơn vị chịu trách nhiệm đầu mối truyền thông: chủ động nắm bắt, xử lý, cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực do đơn vị quản lý gửi về Văn phòng Bộ Y tế (Phòng Truyền thông y tế) qua mail: truyenthongyte.bytd@gmail.com và tham gia

các kênh trao đổi, liên lạc của Mạng lưới do Bộ Y tế thiết lập qua Group Mail mangluoitruyenthongnganhYTE@googlegroups.com, Fanpage *Mạng lưới Truyền thông ngành Y tế*, Zalo phân theo cơ cấu tổ chức (*Mạng lưới truyền thông thuộc và trực thuộc Bộ Y tế, Mạng lưới truyền thông Sở Y tế, Truyền thông tuyến tỉnh*).

Thông tin y tế do các đơn vị gửi về sẽ được Văn phòng Bộ Y tế chọn lọc, biên tập và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và các kênh truyền thông, mạng xã hội của Bộ Y tế quản lý.

1.4. Đổi mới nội dung và phương thức truyền thông y tế bảo đảm tính kịp thời, công khai, minh bạch, hiệu quả:

- Thực hiện điểm tin y tế hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng, đột xuất nhằm kịp thời nắm bắt, xử lý và cung cấp thông tin y tế.

- Xây dựng các sản phẩm truyền thông giáo dục sức khỏe: các tài liệu truyền thông truyền thống, truyền thông số (infographic, audio clip, video clip,...), các thông điệp, chương trình phát thanh, truyền hình, phóng sự, bản tin, chuyên trang, chuyên mục...; chủ động truy cập và cập nhật trên Kho dữ liệu điện tử tài liệu truyền thông của Bộ Y tế và cung cấp cho mạng lưới truyền thông của đơn vị phụ trách. Đường link https://drive.google.com/drive/folders/1tj0Io6vX_cT1q0bj-Or-SomEevP3830G?usp=sharing.

- Sử dụng đa dạng các loại hình truyền thông giáo dục sức khỏe: truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các loại hình truyền thông số, truyền thông mới trên nền tảng Internet; tăng cường kết nối truyền thông trên mạng xã hội của Bộ Y tế (Fanpage Sức khỏe Việt Nam, Zalo Bộ Y tế, Youtube Bộ Y tế,...) với các trang mạng xã hội của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.

1.5. Xây dựng, triển khai các chương trình phối hợp truyền thông về công tác y tế giữa Bộ Y tế với các Bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành, huy động sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.6. Nâng cao công tác báo chí, quản lý báo chí ngành y tế.

- Triển khai cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin y tế định kỳ và đột xuất như: họp báo, gặp mặt phóng viên báo chí, giao ban Tổng biên tập, hội nghị, diễn đàn, tọa đàm, đối thoại, các hoạt động chuyên môn thường xuyên của ngành y tế, các sự kiện, ngày kỷ niệm, tháng hành động về các lĩnh vực của ngành y tế.

- Phối hợp với các cơ quan báo chí xây dựng chương trình truyền hình, phát thanh, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, tin, bài, ảnh... truyền thông chính sách và hoạt động công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương.

- Phối hợp nâng cao năng lực truyền thông về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân cho đội ngũ phóng viên báo chí, các cơ quan báo chí thông qua tập huấn, hội thảo cung cấp thông tin, mời phóng viên tham gia đi thực tế viết tin bài về các hoạt động y tế tại địa phương.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý báo chí về hoạt động báo chí, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho báo chí, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp Chiến lược chuyển đổi số báo chí

ngành y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1143/QĐ-BYT ngày 03/5/2024 và Quyết định số 1827/QĐ-BTTTT ngày 24/10/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Bộ Chỉ số đánh giá, đo lường mức độ trưởng thành chuyển đổi số báo chí.

1.7. Tăng cường công tác xuất bản ngành y tế, giáo dục truyền thống lịch sử ngành y tế.

- Thực hiện tăng cường công tác xuất bản ngành y tế hiệu lực, hiệu quả.
- Nâng cao nhận thức, giáo dục truyền thống lịch sử ngành cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của ngành y tế.
- Thực hiện các hoạt động giáo dục y đức, y nghiệp, truyền thống lịch sử ngành y tế cho cán bộ y tế và sinh viên các trường y, dược.
- Truyền thông về phát động và triển khai phong trào thi đua yêu nước học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; tôn vinh tập thể, cá nhân điển hình trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.8. Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác truyền thông y tế

- Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, hướng dẫn đánh giá, kiểm tra, giám sát hoạt động truyền thông; thực hiện tốt Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin tại đơn vị (*Chi tiết Báo cáo tại Phụ lục 4*).

- Tập huấn, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác thông tin, truyền thông y tế, phổ biến quy định, kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, cập nhật xu hướng và kỹ năng truyền thông hiện đại đối với người phát ngôn của đơn vị, lãnh đạo đơn vị, bộ phận và cán bộ thực hiện nhiệm vụ truyền thông, cung cấp thông tin y tế tại các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc Bộ Y tế và các Sở Y tế.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác chỉ đạo tuyến trong mạng lưới truyền thông y tế các cấp, trong đó: Văn phòng Bộ chỉ đạo, phối hợp Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe Trung ương tập huấn nâng cao năng lực truyền thông, giám sát hỗ trợ chuyên môn về truyền thông giáo dục sức khỏe cho mạng lưới truyền thông tuyến tỉnh, thành phố.

1.9. Truyền thông kết quả, thành tựu hoạt động công tác y tế.

- Truyền thông những kết quả, thành tựu nổi bật trong công tác y tế, các hoạt động, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của các lĩnh vực quản lý của ngành y tế (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

- Tổ chức các hoạt động truyền thông nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/2) năm 2025; kỷ niệm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam và các sự kiện, phong trào, Lễ phát động, ngày Kỷ niệm (*Chi tiết tại Phụ lục 3*).

- Tổ chức các hoạt động xuất bản phẩm, hội chợ, triển lãm y tế theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện và nhân rộng các mô hình, hoạt động truyền thông trọng điểm (nếu có). Các mô hình do các đơn vị đang quản lý và thực hiện các chương trình, đề án, dự án về y tế trong các lĩnh vực: khám, chữa bệnh, phòng chống dịch, bệnh, dân số, an toàn thực phẩm, phòng chống HIV/AIDS, phòng, chống tác hại của thuốc lá, chăm sóc nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích,....

1.10. Tổ chức đánh giá, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động công tác thông tin, truyền thông y tế đối với các đơn vị.

1.11. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông y tế

- Phối hợp với Tổ chức Y tế Thế giới tiếp tục thực hiện Quyết định 02/QĐ-BYT ngày 02/01/2020 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch tổng thể truyền thông nguy cơ sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030; Phối hợp triển khai các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực của mạng lưới truyền thông, đào tạo giảng viên quốc gia về truyền thông y tế.

- Hợp tác với các tổ chức quốc tế: WHO, CDC Hoa Kỳ, UNFPA, UNICEF, WB, ADB... tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, huy động nguồn lực cho công tác truyền thông nâng cao sức khỏe ngành y tế theo năm, theo giai đoạn; truyền thông số; truyền thông nguy cơ sức khỏe; truyền thông y tế.

- Truyền thông về hợp tác y tế quốc tế, thành tựu công tác y tế Việt Nam đến bạn bè quốc tế thông qua các hội nghị, diễn đàn quốc tế, trang tiếng Anh trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế và các tạp chí chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài.

2. Tại địa phương

Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác truyền thông, cung cấp thông tin y tế trên địa bàn.

2.1. Tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức truyền thông thực hiện Luật, Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Kế hoạch, Đề án và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương về công tác y tế; lồng ghép truyền thông các mục tiêu chăm sóc sức khỏe với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2024 và giai đoạn 2021-2025 của địa phương, tiếp tục truyền thông kết quả đạt được trong lĩnh vực y tế thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII.

2.2. Truyền thông vận động, chủ động cung cấp thông tin về vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực thi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ở địa phương. Tăng cường truyền thông chính sách thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ tại đơn vị, địa phương. Đầu tư nguồn lực, vật lực, nhân lực tăng cường truyền thông chính sách về các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách lĩnh vực y tế ban hành năm 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình xây dựng theo Chương trình công tác năm 2025 của Bộ Y tế.

2.3. Tăng cường hoạt động của mạng lưới truyền thông y tế từ cấp tỉnh đến quận/huyện, phường/xã thiết lập mạng lưới truyền thông y tế tại đơn vị và tại địa phương; chủ động chia sẻ, trao đổi thông tin y tế giữa các đơn vị, y tế các cấp.

Vận hành và hoạt động mạng lưới truyền thông y tế từ trung ương đến cơ sở, bao gồm: đơn vị thường trực (Văn phòng Bộ - Bộ Y tế) nắm bắt, chia sẻ, trao đổi thông tin với các Sở Y tế tỉnh, thành phố, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật các tỉnh/thành phố, các bệnh viện, đơn vị y tế trực thuộc Sở.

Phân công nhiệm vụ, cán bộ của Sở Y tế, các bệnh viện, đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm đầu mối truyền thông: chủ động nắm bắt, xử lý, cung cấp thông tin

thuộc lĩnh vực do đơn vị quản lý gửi về Văn phòng Bộ Y tế (Phòng Truyền thông y tế) qua mail: truyenthongyte.bytt@gmail.com và tham gia các kênh trao đổi, liên lạc của Mạng lưới do Bộ Y tế thiết lập qua Group Mail mangluoitruyenthongnganhhyte@googlegroups.com, Fanpage *Mạng lưới Truyền thông ngành Y tế*, Zalo phân theo cơ cấu tổ chức (*Mạng lưới truyền thông thuộc và trực thuộc Bộ Y tế, Mạng lưới truyền thông Sở Y tế, Truyền thông tuyến tỉnh*).

Thông tin y tế do các đơn vị gửi về sẽ được Văn phòng Bộ Y tế chọn lọc, biên tập và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và các kênh truyền thông, mạng xã hội của Bộ Y tế quản lý.

Thực hiện theo dõi và xử lý thông tin liên quan đến hoạt động công tác y tế, phát hiện sớm và xử lý thông tin kịp thời khi xảy ra sự cố, vấn đề nóng trong công tác chăm sóc sức khỏe tại địa phương. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo với Bộ Y tế (thông qua Văn phòng Bộ) để phối hợp xử lý.

2.4. Đổi mới nội dung và phương thức truyền thông y tế bảo đảm tính kịp thời, công khai, minh bạch, hiệu quả:

- Thực hiện điểm tin y tế hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng, đột xuất nhằm kịp thời nắm bắt, xử lý và cung cấp thông tin y tế.

- Xây dựng các sản phẩm truyền thông giáo dục sức khỏe: các tài liệu truyền thông truyền thông, truyền thông số (infographic, audio clip, video clip,...), các thông điệp, chương trình phát thanh, truyền hình, phóng sự, bản tin, chuyên trang, chuyên mục...; chủ động truy cập và cập nhật trên **Kho dữ liệu điện tử tài liệu truyền thông của Bộ Y tế** và cung cấp cho mạng lưới truyền thông của đơn vị phụ trách. Đường link:

https://drive.google.com/drive/folders/1tj0Io6vX_cT1q0bj-Or-SomEevP3830G?usp=sharing.

- Sử dụng đa dạng các loại hình truyền thông giáo dục sức khỏe: truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các loại hình truyền thông số, truyền thông mới trên nền tảng Internet; tăng cường kết nối truyền thông trên mạng xã hội của Bộ Y tế (Fanpage Sức khỏe Việt Nam, Zalo Bộ Y tế, Youtube Bộ Y tế,...) với các trang mạng xã hội của các đơn vị y tế do Sở Y tế quản lý.

2.5. Phối hợp các cơ quan báo chí địa phương truyền thông về công tác y tế

- Truyền thông các chủ trương, luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phối hợp phổ biến các văn bản chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để người dân hiểu, ủng hộ, chia sẻ và tham gia công tác chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

- Chủ động cung cấp thông tin về hoạt động công tác y tế định kỳ và đột xuất như: họp báo, gặp mặt báo chí, hội nghị, tọa đàm, tập huấn phóng viên báo chí, mời phóng viên tham gia hoạt động y tế trên địa bàn...

- Hoàn thiện và triển khai cơ chế phối hợp giữa ngành y tế với các cơ quan báo chí địa phương; phối hợp thực hiện các chương trình truyền hình, phát thanh, chuyên trang, chuyên mục, tin bài... truyền thông chính sách và công tác chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

2.6. Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn đơn vị y tế, các cơ quan, ban, ngành, đơn vị từ tỉnh/thành phố đến cơ sở thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/2) năm 2025 và các sự kiện, phong trào, Lễ phát động, ngày kỷ niệm (*Chi tiết tại Phụ lục 3*) bằng nhiều hình thức: lễ phát động, mít tinh, hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề, cô đọng, băng rôn, khẩu hiệu truyền thông...

- Tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức hoạt động truyền thông phù hợp tình hình thực tế địa phương: hội thảo, hội nghị, diễn đàn, tọa đàm, sinh hoạt câu lạc bộ, tư vấn trực tiếp tại gia đình và cộng đồng thông qua cán bộ y tế thôn bản, cộng tác viên, cán bộ của các ngành, đoàn thể...

- Xây dựng và cung cấp đến các nhóm đối tượng đích các sản phẩm truyền thông giáo dục sức khỏe: các tài liệu truyền thông truyền thống, truyền thông số (infographic, audio clip, video clip,...), thông điệp, chương trình phát thanh, truyền hình, phóng sự, bản tin, chuyên trang, chuyên mục... theo hướng dẫn của Trung ương (truy cập và sử dụng tài liệu truyền thông mẫu tại *Kho dữ liệu điện tử tài liệu truyền thông của Bộ Y tế*) và cập nhật, bổ sung phù hợp đặc điểm cụ thể của địa phương. Biên tập tài liệu truyền thông bằng tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương để truyền thông cho người dân tộc ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Thực hiện các hoạt động truyền thông của các chương trình, đề án, dự án về chăm sóc sức khỏe của Trung ương đang triển khai trên địa bàn thuộc các lĩnh vực: khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch, bệnh, dân số, an toàn thực phẩm, phòng chống HIV/AIDS, phòng, chống tác hại của thuốc lá...

- Triển khai các mô hình truyền thông trong các cơ sở y tế của địa phương để tư vấn về chính sách, pháp luật công tác y tế, cung cấp thông tin về dịch vụ khám, chữa bệnh, truyền thông giáo dục sức khỏe cho người dân và cộng đồng.

2.7. Nâng cao năng lực truyền thông y tế tại địa phương.

- Kiện toàn chức năng và đơn vị/bộ phận thực hiện công tác truyền thông y tế tại địa phương, đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về truyền thông y tế tại địa phương theo quy định tại Thông tư 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế.

- Ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin y tế của đơn vị; Rà soát, hoàn thiện phân công Người phát ngôn, đơn vị/bộ phận, cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện công tác truyền thông, cung cấp thông tin tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở theo quy định hiện hành.

- Phân công cán bộ tham gia đầy đủ hội nghị, hội thảo, tập huấn của Trung ương về truyền thông y tế.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực truyền thông y tế tại địa phương: Tập huấn truyền thông, cung cấp thông tin và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe, truyền thông nguy cơ, ứng dụng xu hướng truyền thông số, truyền thông mới trong y tế cho người phát ngôn và lãnh đạo đơn vị, cán bộ phụ trách truyền thông tại Sở Y tế, các đơn vị trực thuộc, chú trọng cán bộ truyền thông trong các cơ sở khám chữa bệnh, các cơ sở y tế dự phòng.

- Tăng cường công tác báo cáo, đánh giá, kiểm tra, giám sát, hỗ trợ hoạt động

truyền thông y tế tại các đơn vị trực thuộc và tuyến cơ sở (Chi tiết tại Phụ lục 4).

2.8. Truyền thông về thành tựu công tác y tế địa phương và tăng cường công tác xuất bản, giáo dục truyền thống lịch sử ngành y tế.

- Truyền thông những kết quả, thành tựu nổi bật trong công tác y tế, các hoạt động, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của các lĩnh vực quản lý của ngành y tế (Chi tiết tại Phụ lục 2).

- Truyền thông về phát động và triển khai phong trào thi đua yêu nước học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; tôn vinh tập thể, cá nhân điển hình trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Thực hiện các hoạt động giáo dục y đức, y nghiệp, truyền thống lịch sử ngành y tế cho cán bộ y tế và sinh viên các trường y, dược trên địa bàn.

- Tổ chức các hoạt động xuất bản phẩm, triển lãm y tế của đơn vị theo quy định của pháp luật.

2.9. Tăng cường đầu tư cho công tác truyền thông y tế tại địa phương

- Xây dựng cơ chế, lồng ghép hoạt động truyền thông y tế với hoạt động truyền thông thường xuyên, các chương trình, dự án, đề án lĩnh vực y tế, hợp tác quốc tế, các chương trình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

- Tăng cường đầu tư nguồn lực cho công tác truyền thông y tế, bảo đảm cấp đủ kinh phí hoạt động truyền thông y tế do Trung ương, các chương trình mục tiêu, dự án, đề án cấp về; bổ sung kinh phí địa phương, huy động các nguồn hỗ trợ hợp pháp; bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống truyền thông y tế trên địa bàn; xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ, phụ cấp cho cán bộ và cộng tác viên làm công tác truyền thông y tế phù hợp điều kiện địa phương.

2.10. Tổ chức đánh giá, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động truyền thông y tế, định kỳ báo cáo chính quyền các cấp và Bộ Y tế theo quy định. Tổ chức giao lưu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm của các địa phương, đơn vị làm tốt công tác truyền thông y tế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Tại Bộ Y tế

- Giao Văn phòng Bộ là đầu mối triển khai kế hoạch thông tin, truyền thông năm 2025 của Bộ Y tế; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch thông tin, truyền thông của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế và Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động thông tin, truyền thông y tế năm 2025 thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách, tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng quy định, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế (qua Phòng Truyền thông y tế - Văn phòng Bộ Y tế).

1.2. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Kế hoạch này, bố trí kinh phí, chỉ đạo đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch hoạt động thông tin, truyền thông y tế năm 2025 của địa phương, tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng quy định, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế (qua Phòng Truyền thông y tế - Văn phòng Bộ Y tế).

2. Kinh phí

2.1. Tại Trung ương: kinh phí hoạt động truyền thông y tế năm 2025 sử dụng từ các nguồn:

- Kinh phí phân bổ cho hoạt động truyền thông, tuyên truyền năm 2025 của Bộ Y tế. Kinh phí truyền thông từ các chương trình mục tiêu phân bổ cho ngành y tế (nếu có).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị.

- Kinh phí các chương trình, dự án, đề án chăm sóc sức khỏe nhân dân và các nguồn hợp pháp khác.

2.2. Tại địa phương: kinh phí hoạt động truyền thông y tế năm 2025 sử dụng từ các nguồn sau:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp y tế của địa phương.

- Kinh phí truyền thông thuộc các chương trình mục tiêu được Trung ương phân bổ cho địa phương (nếu có). Kinh phí các dự án, đề án chăm sóc sức khỏe triển khai trên địa bàn.

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

3. Báo cáo kết quả về Bộ Y tế (Phòng Truyền thông y tế, Văn phòng Bộ):

- Báo cáo sơ kết công tác truyền thông y tế 6 tháng đầu năm 2025 gửi trước ngày 30/6/2025.

- Báo cáo tổng kết công tác truyền thông y tế năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 gửi trước ngày 30/11/2025.

Đồng thời, báo cáo trực tuyến hoạt động truyền thông y tế qua đường link:

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/18udDubXaFWcpv9G7Km1Ca1fv7cmVxcNOUWjGYFvA6U/edit?gid=781035113#gid=781035113>

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh vấn đề mới xin liên hệ Văn phòng Bộ Y tế theo số điện thoại: 024.62827979; email: truyenthongyte.by@gmail.com; vpb9@moh.gov.vn để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Y tế xem xét chỉ đạo./.

ĐỊNH HƯỚNG THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG Y TẾ NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 288 /QĐ-BYT ngày 23 tháng 01 năm 2025)

Phụ lục 1

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH
LĨNH VỰC Y TẾ BAN HÀNH NĂM 2024**

1. QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

TT	Số/Ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	44/2024/QH15	21/11/2024	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược số 105/2016/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14.
2	51/2024/QH15	27/11/2024	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH 13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 30/2023/QH15.
3	173/2024/QH15	30/11/2024	Nghị quyết của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV.

2. CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

a) Chính phủ:

TT	Số/Ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	13/2024/NĐ-CP	05/02/2024	Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.
2	24/2024/NĐ-CP	27/2/2024	Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đấu thầu.
3	25/2024/NĐ-CP	27/02/2024	Nghị định số 25/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.
4	129/2024/NĐ-CP	10/10/2024	Nghị định 129/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 91/2016/NĐ-CP về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Nghị định 155/2018/NĐ-CP sửa đổi quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
5	141/2024/NĐ-CP	28/10/2024	Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

b) Thủ tướng Chính phủ:

TT	Số/Ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	89/QĐ-TTg	23/01/2024	Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
2	201/QĐ-TTg	27/02/2024	Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
3	281/QĐ-TTg	05/4/2024	Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 05/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chi thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới.
4	1576/QĐ-TTg	16/12/2024	Quyết định số 1576/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
5	27/CT-TTg	15/08/2024	Chi thị số 27/CT-TTg ngày 15/08/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Tăng cường thực hiện công tác dân số trong tình hình mới
6	38/CT-TTg	11/10/2024	Chi thị số 38/CT-TTg ngày 11/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Về tăng cường phòng ngừa ngộ độc thực phẩm

3. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

TT	Số/Ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	01/2024/TT-BYT	01/03/2024	Thông tư số 01/2024/TT-BYT ngày 01/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị thuộc Bộ Y tế và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong lĩnh vực y tế tại địa phương.
2	02/2024/TT-BYT	12/3/2024	Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp giấy chứng nhận lương y, giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
3	03/2024/TT-BYT	16/4/2024	Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp.
4	04/2024/TT-BYT	20/4/2024	Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc.
5	05/2024/TT-BYT	14/05/2024	Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá.

TT	Số/Ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
6	06/2024/TT-BYT	16/5/2024	Thông tư số 06/2024/TT-BYT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.
7	07/2024/TT-BYT	17/5/2024	Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đầu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.
8	08/2024/TT-BYT	24/5/2024	Thông tư số 08/2024/TT-BYT ngày 24/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ một phần các văn bản quy phạm pháp luật.
9	09/2024/TT-BYT	11/6/2024	Thông tư số 09/2024/TT-BYT ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc dùng cho người và mỹ phẩm xuất khẩu, nhập khẩu đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.
10	10/2024/TT-BYT	13/06/2024	Thông tư số 10/2024/TT-BYT ngày 13/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế thay thế Thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.
11	11/2024/TT-BYT	12/7/2024	Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.
12	12/2024/TT-BYT	18/7/2024	Thông tư số 12/2024/TT-BYT ngày 18/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20-1:2024/BYT đối với giới hạn các chất ô nhiễm trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe.
13	13/2024/TT-BYT	26/08/2024	Thông tư số 13/2024/TT-BYT ngày 26/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục dược liệu độc làm thuốc.
14	14/2024/TT-BYT	06/9/2024	Thông tư số 14/2024/TT-BYT ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phương pháp chế biến dược liệu và vị thuốc cổ truyền.
15	15/2024/TT-BYT	19/9/2024	Thông tư số 15/2024/TT-BYT ngày 19/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thực phẩm, phụ gia thực phẩm và dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam phải kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.
16	16/2024/TT-BYT	30/09/2024	Thông tư số 16/2024/TT-BYT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được xác định mã số HS theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.
17	17/2024/TT-BYT	30/9/2024	Thông tư số 17/2024/TT-BYT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
18	18/2024/TT-BYT	01/10/2024	Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ nội dung trong Quyết định 1895/1997/QĐ-BYT về Quy chế bệnh viện.
19	19/2024/TT-BYT	01/10/2024	Thông tư số 19/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Danh mục thiết bị y tế xuất khẩu, nhập khẩu đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất

TT	Số/Ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
			khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
20	20/2024/TT-BYT	14/10/2024	Thông tư số 20/2024/TT-BYT ngày 14/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.
21	21/2024/TT-BYT	17/10/2024	Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.
22	22/2024/TT-BYT	18/10/2024	Thông tư số 22/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thanh toán chi phí thuốc, thiết bị y tế trực tiếp cho người có thẻ bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh.
23	23/2024/TT-BYT	18/10/2024	Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh.
24	24/2024/TT-BYT	29/10/2024	Thông tư số 24/2024/TT-BYT ngày 29/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi Thông tư 16/2020/TT-BYT về tiêu chuẩn và hướng dẫn xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền.
25	25/2024/TT-BYT	30/10/2024	Thông tư số 25/2024/TT-BYT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.
26	26/2024/TT-BYT	31/10/2024	Thông tư số 26/2024/TT-BYT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.
27	27/2024/TT-BYT	01/11/2024	Thông tư số 27/2024/TT-BYT ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi Thông tư 20/2017/TT-BYT hướng dẫn Luật Dược và Nghị định 54/2017/NĐ-CP về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.
28	28/2024/TT-BYT	01/11/2024	Thông tư số 28/2024/TT-BYT ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá và đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của thuốc thuộc danh mục.
29	29/2024/TT-BYT	03/11/2024	Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của thiết bị y tế thực hiện kê khai giá.
30	30/2024/TT-BYT	04/11/2024	Thông tư số 30/2024/TT-BYT ngày 04/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện.
31	31/2024/TT-BYT	07/11/2024	Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế.
32	32/2024/TT-BYT	15/11/2024	Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương.

TT	Số/Ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
33	33/2024/TT-BYT	15/11/2024	Thông tư số 33/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện bình ổn giá, kê khai giá.
34	34/2024/TT-BYT	15/11/2024	Thông tư số 34/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.
35	35/2024/TT-BYT	16/11/2024	Thông tư số 35/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện.
36	36/2024/TT-BYT	16/11/2024	Thông tư số 36/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, việc khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; việc khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng.
37	37/2024/TT-BYT	16/11/2024	Thông tư số 37/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng, cập nhật, ghi thông tin, cấu trúc danh mục và hướng dẫn thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế.
38	38/2024/TT-BYT	16/11/2024	Thông tư số 38/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.
39	39/2024/TT-BYT	17/11/2024	Thông tư số 39/2024/TT-BYT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi Thông tư 35/2016/TT-BYT về Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với dịch vụ kỹ thuật y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
40	40/2024/TT-BYT	22/11/2024	Thông tư số 40/2024/TT-BYT ngày 22/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ y tế dự phòng về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế công lập.
41	41/2024/TT-BYT	27/11/2024	Thông tư số 41/2024/TT-BYT ngày 27/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.
42	42/2024/TT-BYT	02/12/2024	Thông tư 42/2024/TT-BYT ngày 02/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quy trình, thành phần hồ sơ, biểu mẫu, thời hạn, nhân lực thực hiện và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định pháp y.
43	43/2024/TT-BYT	12/12/2024	Thông tư số 43/2024/TT-BYT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.
44	44/2024/TT-BYT	23/12/2024	Thông tư số 44/2024/TT-BYT ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
45	45/2024/TT-BYT	24/12/2024	Thông tư 45/2024/TT-BYT ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi Thông tư 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
46	46/2024/TT-BYT	26/12/2024	Thông tư 46/2024/TT-BYT ngày 26/12/2024 của Bộ trưởng

TT	Số/Ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
			Bộ Y tế quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ y tế dự phòng về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế công lập.
47	47/2024/TT-BYT	26/12/2024	Thông tư 47/2024/TT-BYT ngày 26/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone tại các đơn vị sự nghiệp công lập.
48	48/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư số 48/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đăng ký ghép và nguyên tắc điều phối lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể ở người sau khi chết.
49	49/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư số 49/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật.
50	50/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.
51	51/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư số 51/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hiện công tác xã hội trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
52	52/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
53	53/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư 53/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập.
54	54/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư 54/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều về giấy đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu tại Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu.
55	55/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư số 55/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại Thông tư 08/2022/TT-BYT quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
56	56/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư số 56/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về điều trị ban ngày bằng y học cổ truyền tại bệnh viện.
57	57/2024/TT-BYT	31/12/2024	Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2025

(Căn cứ Báo cáo số 1748/BC-BYT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế)

1. Công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo điều hành**1.1. Hoàn thiện thể chế, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chính sách và văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; hoàn thành xây dựng, hoàn thiện các dự án luật, các đề án, văn bản trong Chương trình công tác của Chính phủ, Bộ Y tế năm 2025 và thực hiện nhiệm vụ được giao tại các văn kiện của Đảng liên quan đến lĩnh vực y tế. Tập trung xây dựng và triển khai hệ thống văn bản hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Bảo hiểm y tế đồng bộ với Luật Khám bệnh, chữa bệnh; tiếp tục xây dựng Luật Phòng bệnh, Luật Dân số, Luật Thiết bị y tế, Luật An toàn thực phẩm sửa đổi. Hoàn thiện nội dung y tế trong Báo cáo kinh tế - xã hội trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, xác định các vướng mắc, bất cập, chồng chéo để kịp thời sửa đổi, bổ sung, giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Tiếp tục hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật của Bộ Y tế trong năm 2025.

- Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngành y tế và tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, ngành, địa phương ban hành liên quan đến lĩnh vực y tế.

- Xây dựng, ban hành hướng dẫn về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ người làm công tác pháp chế; tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong chỉ đạo, điều hành công tác pháp chế.

1.2. Tổ chức bộ máy ngành y tế

- Tập trung thực hiện rà soát, tinh gọn cơ cấu tổ chức của các tổ chức hành chính thuộc Bộ theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII và định hướng chung của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ, trong đó tập trung rà soát cơ cấu, tổ chức, biên chế bên trong của các đơn vị. Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ thực hiện sắp xếp các tổ chức thuộc và trực thuộc đơn vị theo đúng tiêu chí quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Rà soát, tổ chức xếp hạng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.

- Quy định quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức mới, sắp xếp các cơ sở y tế dự phòng trực thuộc Bộ theo Đề án thành lập Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh Trung ương sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển các Bệnh viện trực thuộc Bộ về địa phương quản lý theo Đề án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế giai đoạn đến năm 2030; Đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành hệ thống cơ quan kiểm soát dược phẩm và thực phẩm, thiết bị y tế phù hợp, hội nhập quốc tế. Xây

dụng kế hoạch và triển khai thực hiện Đề án thành lập Hội đồng Y khoa Quốc gia.

- Tiếp tục tổ chức triển khai, xây dựng chính sách đối với y tế cơ sở, y tế dự phòng: dự thảo Nghị định về phụ cấp ưu đãi theo nghề thay thế Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập; dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch; dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

- Rà soát, cập nhật Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các tổ chức hành chính thuộc Bộ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Hoàn thiện các quy trình công tác cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, hướng dẫn các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Y tế. Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với công chức, viên chức.

- Triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy tắc ứng xử, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, cơ sở y tế “Xanh-Sạch-Đẹp”.

1.3. Cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2025 của Bộ Y tế. Tiếp tục thực hiện Quyết định 1661/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh phân công, phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực cán bộ thực thi và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, rõ ràng, bám sát chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền thanh tra và sự chỉ đạo của cấp trên; các lĩnh vực y tế mà dư luận xã hội đang quan tâm, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực như đầu tư xây dựng cơ bản, đấu thầu thiết bị y tế, hóa chất, vật tư y tế; việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức; việc kiểm soát việc thực hiện kê khai tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Tập trung tiếp tục thi công hoàn thành dự án cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai, dự án cơ sở 2 Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức để sớm đưa vào sử dụng, phục vụ người dân.

1.4. Hợp tác quốc tế

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy chế Quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại

theo Kết luận 33-KL/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 05-HD/BDNTW ngày 26/3/2019 của Ban Đối ngoại Trung ương; triển khai các hoạt động đối ngoại trong lĩnh vực y tế theo đường lối đối ngoại trong các văn kiện được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- Chú trọng công tác đối ngoại song phương, duy trì quan hệ với các đối tác truyền thống đồng thời tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác mới để làm sâu sắc, tăng cường quan hệ với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực y tế, đồng thời nâng tầm đối ngoại đa phương thông qua việc thể hiện trách nhiệm, nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam tại các diễn đàn đa phương về y tế như ASEAN, WHO, Liên hợp quốc, APEC...

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động đoàn ra, đoàn vào, đặc biệt là tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế trong các lĩnh vực về y tế trên phạm vi toàn cầu và khu vực. Tổ chức các cuộc họp với các đối tác quốc tế thông qua Diễn đàn Nhóm Đối tác Y tế để vận động hỗ trợ cho các nhiệm vụ trọng tâm của ngành y tế trong thời gian tới.

2. Cung ứng dịch vụ y tế

2.1. Y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe

- Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật phòng bệnh sau khi được Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2025.

- Nâng cao năng lực y tế dự phòng, dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng.

- Triển khai thực hiện lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021–2030 theo nội dung Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2025.

- Triển khai Đề án thành lập Cơ quan Kiểm soát bệnh tật Trung ương sau khi được phê duyệt. Ban hành Bộ tiêu chí về chuyên môn, kỹ thuật cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyển tỉnh và hướng dẫn triển khai thực hiện.

- Triển khai thực hiện Thông tư Quy định danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe Nhân dân do ngân sách nhà nước chi trả; Thông tư hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập và Thông tư quy định danh mục, định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm dịch y tế và y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

- Giám sát việc triển khai Chiến lược dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 và xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2030.

- Phòng, chống yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm: triển khai Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030; xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch phòng, chống tác hại của rượu, bia và chương trình, kế hoạch tăng cường hoạt động thể lực cho người dân.

- Dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị, chăm sóc người mắc bệnh không lây nhiễm: tiếp tục triển khai Chương trình sức khỏe Việt Nam; xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2026-2035 và

các chương trình, kế hoạch liên quan để tăng cường phòng, chống bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở và tại cộng đồng.

2.2. An toàn thực phẩm

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế quản lý an toàn thực phẩm, rà soát xây dựng dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi); Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, đặc biệt là nghiên cứu, đề xuất mô hình quản lý an toàn thực phẩm theo hướng thống nhất một đầu mối từ trung ương đến địa phương.

- Tiếp tục tăng cường công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, trường học, ngộ độc thực phẩm do thức ăn đường phố. Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, khuyến khích giết mổ tập trung, quản lý chặt chẽ việc kinh doanh, sử dụng hóa chất trong nông nghiệp. Đẩy mạnh công tác thông tin giáo dục truyền thông về an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm. Tăng cường trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương theo Chỉ thị số 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhất là cấp cơ sở; đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh thực phẩm, xử lý nghiêm các vi phạm.

2.3. Phòng chống HIV/AIDS, tệ nạn xã hội

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến phòng, chống HIV/AIDS: chỉnh sửa các văn bản quy phạm pháp luật dưới Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống HIV/AIDS; cập nhật Hướng dẫn thực hiện xét nghiệm tải lượng HIV trong theo dõi, điều trị HIV/AIDS và Hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS; xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành: Đề án Tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS tiến tới cơ bản chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 và bảo đảm kiểm soát dịch bệnh AIDS không tái bùng phát sau năm 2030; xây dựng văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn chuyên môn.

- Duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone, triển khai cấp phát thuốc Methadone cho bệnh nhân mang về nhà tại các tỉnh, thành phố. Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác xác định tình trạng nghiện ma túy; Chương trình can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV; công tác truyền thông phòng, chống HIV/AIDS; hoạt động phối hợp liên ngành về phòng, chống HIV/AIDS; tổ chức thực hiện các giải pháp về giảm kỳ thị và phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS.

- Triển khai đa dạng mô hình và nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV; duy trì và mở rộng mạng lưới cơ sở xét nghiệm khẳng định HIV và xét nghiệm phục vụ theo dõi, điều trị; Triển khai các hoạt động giám sát phát hiện, giám sát ca bệnh, ước tính dịch, ước tính quần thể nhóm nguy cơ cao để phục vụ công tác giám sát dịch HIV/AIDS; Nâng cao năng lực theo dõi, đánh giá hoạt động phòng, chống HIV/AIDS cho cán bộ các tuyến; Triển khai đánh giá giữa kỳ Chiến

lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS đến năm 2030.

- Nâng cao chất lượng điều trị HIV/AIDS, tăng tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng nhiễm HIV của mình được điều trị thuốc kháng vi rút HIV; tăng tỷ lệ người được điều trị thuốc kháng vi rút HIV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng ức chế. Mở rộng cung cấp thuốc ARV và xét nghiệm tải lượng HIV qua BHYT, điều phối thuốc ARV các nguồn đảm bảo bệnh nhân được nhận thuốc điều trị liên tục và không bị gián đoạn điều trị. Tiếp tục mở rộng điều trị dự phòng trước phơi nhiễm bằng thuốc ARV (PrEP) cho 72.000 khách hàng. Triển khai điều trị đồng thời ARV/điều trị lao cho người đồng nhiễm Lao/HIV và điều trị lao tiềm ẩn ở người nhiễm HIV.

- Triển khai các hoạt động Dự án Tăng cường đáp ứng y tế trong phòng, chống ma túy thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

- Thực hiện các nhiệm vụ trong công tác phòng chống tệ nạn xã hội chuyển sang.

2.4. Dân số

- Tiếp tục thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (Đề án 468); Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 (Chương trình 588); Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030 (Chương trình 1848); Chương trình Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 (Chương trình 1999); Đề án Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ KHHGĐ, sức khỏe sinh sản đến năm 2030 (Đề án 818); Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 (Chương trình 1579); Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030 (Chương trình 537); Chương trình Củng cố, phát triển hệ thống thôn tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 (Chương trình 2259); Đề án Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021-2030 (Chương trình 520). Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các đề án, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cơ bản; Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng mở rộng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng; Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên; Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả... Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội; cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

2.5. Bảo vệ, chăm sóc bà mẹ, trẻ em

- Duy trì, củng cố thành quả về giảm tử vong mẹ, giảm tử vong trẻ em và cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người dân. Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện Hướng dẫn quốc gia; quy trình thực hiện kỹ thuật chuyên môn; các tài liệu hướng dẫn chuyên môn; bộ công cụ giám sát hỗ trợ lĩnh vực CSSK bà mẹ - trẻ em, sức khỏe sinh sản.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động can thiệp chuyên môn và nâng cao chất lượng dịch vụ CSSK bà mẹ - trẻ em/sức khỏe sinh sản: Chăm sóc trước, trong và sau khi sinh; Phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; Dự phòng lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con; Phòng chống ung thư đường sinh sản; Cung ứng dịch vụ KHHGD/Phá thai an toàn; Phát triển mạng lưới hộ sinh/cô đỡ thôn bản; Hỗ trợ sinh sản; CSSK sinh sản cho nam giới, vị thành niên, thanh niên.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình Can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030, Chương trình chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời và Kế hoạch hành động phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Triển khai các can thiệp về chăm sóc sơ sinh, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong khuôn khổ các Chương trình MTQG, các Dự án hợp tác quốc tế và trong nước.

- Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung; Đề án thí điểm sàng lọc và phát hiện sớm ung thư cổ tử cung và xử trí tại một số tỉnh giai đoạn 2019-2025; Đề án CSSK sinh sản/sức khỏe tình dục cho vị thành niên và thanh niên giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai mở rộng Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em phiên bản điện tử, phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú và trẻ em từ 7 đến 60 tháng tuổi. Thực hiện tích cực các hoạt động truyền thông, công tác kiểm tra, giám sát hỗ trợ, chỉ đạo tuyến.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc bà mẹ, trẻ em từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển sang.

2.6. Khám, chữa bệnh

- Tập trung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 32/2023/TT-BYT để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các bệnh viện trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ; cùng với đó rà soát, sửa đổi Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác; Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá. Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các Đề án (Đề án quản lý sức khỏe toàn dân; Cấp cứu ngoại viện; Hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật; Tăng cường năng lực hệ thống giám định pháp y, pháp y tâm thần và bắt buộc chữa bệnh tâm thần giai đoạn 2025-2030...) và cập nhật các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật.

- Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; nâng cao hiệu quả công tác quản trị bệnh viện và quản lý chất lượng bệnh viện. Tiếp tục phát triển các kỹ thuật y khoa chuyên sâu; mở rộng các hoạt động khám chữa bệnh từ xa, tăng cường công tác chỉ đạo tuyến, chuyển giao kỹ thuật, kịp thời hỗ trợ cho tuyến dưới. Triển khai hiệu quả quản lý công tác giám định pháp y tâm thần và bắt buộc chữa bệnh. Tăng cường các giải pháp nhằm bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh. Trong đó, tập trung triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt; bệnh án điện tử; liên

thông xét nghiệm; hướng dẫn, triển khai hiệu quả Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID. Tăng cường phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

2.7. Y dược cổ truyền

- Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển y dược cổ truyền nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ và mang tính đặc thù, phát huy tiềm năng và thế mạnh của lĩnh vực y, dược cổ truyền. Tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống khám, chữa bệnh bằng y, dược cổ truyền từ tuyến Trung ương đến tuyến cơ sở. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y dược cổ truyền.

- Tăng tỉ lệ dược liệu nuôi trồng trong nước, khuyến khích dược liệu nuôi trồng đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới; giảm dần tỉ lệ nhập khẩu dược liệu, thuốc cổ truyền. Phát triển các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu và thuốc cổ truyền có giá trị kinh tế cao phục vụ người bệnh và phát triển kinh tế xã hội.

- Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; phác đồ điều trị kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại phục vụ công tác kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám và chữa bệnh. Chuẩn hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền phục vụ công tác phát triển dược liệu và thuốc cổ truyền đảm bảo chất lượng.

- - Tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm triển khai Quyết định 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030 và Hội nghị diễn đàn hòa hợp về chất lượng và tiêu chuẩn hóa thuốc từ dược liệu khu vực Tây Thái Bình Dương FHH (nhiệm kỳ 2023-2024).

2.8. Quản lý môi trường y tế

- Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển y tế học đường. Xây dựng Kế hoạch hoạt động giai đoạn 2026-2030 thực hiện Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, cải thiện nước sạch nông thôn, Đề án ứng phó với biến đổi khí hậu ngành y tế.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp triển khai công tác y tế trường học, phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, tăng cường truyền thông hướng dẫn bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước tác động của thiên tai và thời tiết cực đoan, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường. Tiếp tục tổ chức hội thảo, hội nghị nâng cao năng lực cho cán bộ y tế về các lĩnh vực biến đổi khí hậu, giám sát chất lượng nước, vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình.

- Tiếp tục triển khai và tổ chức đánh giá sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình bảo vệ nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/05/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức các hội thảo nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế lao động các tuyến, đáp ứng nhu cầu quản lý vệ sinh lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc, tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho cán bộ y tế tại cơ sở y tế; kiện toàn mạng lưới cán bộ y tế tại các cơ sở sản xuất kinh doanh. Xây dựng và triển khai Kế

hoạch phòng chống tai nạn thương tích ngành y tế năm 2025. Tổng kết công tác phòng chống tai nạn, thương tích tại cộng đồng giai đoạn 2021-2025 và xây dựng Kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích tại cộng đồng giai đoạn 2026-2030.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế; giám sát thực hiện cơ sở y tế xanh sạch đẹp. Khảo sát, xây dựng Tiêu chí cơ sở y tế xanh, bền vững có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và sự cố môi trường. Tổ chức sơ kết giữa kỳ việc thực hiện tăng trưởng xanh của Bộ Y tế.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường công tác quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

2.9. Bảo trợ xã hội

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác bảo trợ xã hội từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển sang.

3. Dược, cơ sở hạ tầng và công nghệ y tế

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, trang thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân, phòng chống thiên tai, thảm họa và các tình huống khẩn cấp.

- Tập trung quản lý, cấp phép, gia hạn thuốc, trang thiết bị y tế; giải quyết triệt để các hồ sơ tồn đọng. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập khẩu, bảo đảm chất lượng thuốc, dược liệu, trang thiết bị y tế.

- Tăng cường quản lý giá thuốc, đảm bảo thị trường dược phẩm được duy trì bình ổn. Thực hiện hiệu quả đấu thầu tập trung, đàm phán giá góp phần giảm chi phí thuốc. Xây dựng cơ chế tổ chức cung ứng, dự trữ, mua sắm đặc thù đối với các loại thuốc hiếm, thuốc điều trị bệnh hiếm.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp dược, dược liệu, trang thiết bị y tế. Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế. Tiếp tục triển khai quy hoạch hệ thống kiểm nghiệm trên cả nước.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, hoàn thành và đưa vào sử dụng để tăng thêm số cơ sở y tế, giường bệnh. Đôn đốc các đơn vị, địa phương hoàn thiện thủ tục đầu tư và triển khai các dự án đầu tư hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng sử dụng nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo ngành y tế. Đẩy mạnh xây dựng TCVN, QCVN phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng, sản phẩm hàng hóa đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế. Xây dựng các TCVN cho các sản phẩm hàng hóa, các đối tượng tiêu chuẩn phục vụ công tác kiểm nghiệm, khảo nghiệm và kiểm định, đánh giá: Thiết bị Y tế; Dược; Thực phẩm chức năng và hóa chất, sinh phẩm.

- Ưu tiên tăng cường năng lực nghiên cứu cho các tổ chức nghiên cứu có thể mạnh như phòng chống dịch bệnh, ung thư, công nghệ sinh học, công nghiệp dược, vắc xin... Đầu tư nâng cấp, nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo một số tổ chức khoa học và công nghệ mũi nhọn. Tập trung triển khai Dự án bảo tồn, lưu giữ quỹ gen giai đoạn 2021-2025.

4. Nhân lực y tế

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến đặc thù đào tạo nhân lực y tế nhằm tạo môi trường pháp lý triển khai đổi mới đào tạo nhân lực y tế đáp ứng yêu cầu đảm bảo và nâng cao chất lượng nhân lực y tế, tiến tới hội nhập quốc tế. Tập trung hoàn thiện các quy định liên quan đến đào tạo chuyên sâu đặc thù nhân lực y tế; chuẩn hóa mô hình đào tạo phù hợp với Khung trình độ Quốc gia và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục xây dựng và ban hành các chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành đào tạo khối ngành sức khỏe theo Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các ngành trình độ đại học khối ngành sức khỏe giai đoạn 2020- 2025. Triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030, định hướng 2050. Phối hợp với Hội đồng Y khoa Quốc gia chuẩn bị triển khai tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề để đảm bảo công bằng, chất lượng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về việc tổ chức thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; giám sát, kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo liên tục cán bộ y tế; tăng cường quản lý chất lượng đào tạo thông qua các hoạt động giám sát thường xuyên, kiểm định chất lượng.

- Xây dựng và phát triển một số trường đại học đào tạo lĩnh vực sức khỏe trọng điểm ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực y tế làm cơ sở phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực y tế để đào tạo và phát triển nâng cao trình độ nhân lực y tế; gắn đào tạo với sử dụng nhân lực y tế đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu, phân bổ hợp lý theo lĩnh vực, vùng miền đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục triển khai đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa thông qua Dự án 585 và Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số. Xây dựng cơ chế hỗ trợ cán bộ y tế vùng khó khăn tham gia cập nhật kiến thức y khoa liên tục; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; tiếp tục thực hiện cơ chế đào tạo cử tuyển, đào tạo theo đặt hàng, đào tạo liên thông đối với một số ngành trình độ cao đẳng, đại học để đảm bảo đủ số lượng nhân lực y tế và tạo nguồn đào tạo sau đại học các chuyên ngành khó thu hút (lao, phong, tâm thần, truyền nhiễm, pháp y, pháp y tâm thần, hồi sức cấp cứu, y học dự phòng...).

5. Tài chính y tế

- Phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo đúng thời gian quy định; tổ chức điều hành hiệu quả dự toán ngân sách năm 2025. Đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công; nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Xây dựng giá dịch vụ y tế dự phòng; thực hiện giá dịch vụ y tế theo lộ trình tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, đảm bảo vừa điều chỉnh được giá nhưng vẫn thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy lộ trình BHYT toàn dân.

- Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc

ban hành mới các văn bản tháo gỡ các vướng mắc trong mua sắm, đấu thầu, xã hội hóa, tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Rà soát, hoàn thiện thể chế, thúc đẩy sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện.

- Nghiên cứu, xây dựng lộ trình điều chỉnh mức đóng BHYT phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân và điều kiện kinh tế - xã hội. Hoàn thiện phương thức chi trả theo định suất, trọn gói theo trường hợp bệnh một cách phù hợp. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về phạm vi quyền lợi BHYT về thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật đảm bảo quyền lợi của người tham gia BHYT, yêu cầu chuyên môn trong khám chữa bệnh tại các tuyến, chú trọng tuyến y tế cơ sở, phù hợp với khả năng chi trả của quỹ BHYT. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, giải quyết vướng mắc, bất cập phát sinh trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế.

6. Hệ thống thông tin, chuyển đổi số y tế

- Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin y tế; rà soát, sửa đổi các quy định pháp lý về kết nối, khai thác dữ liệu, về bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động y tế trên nền tảng số...

- Tập trung đẩy mạnh triển khai Đề án 06/CP, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong hầu hết các hoạt động, dịch vụ của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Triển khai định danh và xác thực người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống trực tuyến của Bộ Y tế. Triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và duy trì trợ lý ảo phục vụ người dân.

- Tiếp tục tổ chức thẩm định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của Bộ Y tế và triển khai các giải pháp đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức đánh giá an toàn thông tin, dán nhãn tín nhiệm mạng cho công nghệ thông tin điện tử của Bộ Y tế và các trang thông tin điện tử của Bộ Y tế, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế.

THỜI ĐIỂM VÀ CÁC CHỦ ĐỀ TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 288 /QĐ-BYT ngày 23/01/2025 của Bộ Y tế)

TT	CHỦ ĐỀ	THỜI ĐIỂM	Đơn vị phụ trách chuyên môn
1	Ngày Thế giới Phòng, chống Ung thư	4/02	Cục Y tế dự phòng Bệnh viện K
2	Ngày Thầy thuốc Việt Nam	27/02	Văn phòng Bộ Y tế
3	Ngày Quốc tế bệnh hiểm	28/02	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
4	Ngày Quốc tế Hạnh phúc	20/3	Cục Dân số
5	Ngày Thế giới phòng, chống lao	24/3	Chương trình chống Lao quốc gia
6	Ngày Thế giới nhận thức về tự kỷ	02/4	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
7	Ngày Sức khỏe Thế giới	07/4	Cục Y tế dự phòng
8	Ngày Hiến máu nhân đạo	07/4	Viện Huyết học truyền máu Trung ương
9	Ngày Thế giới phòng, chống sốt rét	25/4	Cục Y tế dự phòng Viện Sốt rét-KST-CT Trung ương
10	Ngày Quốc tế Hộ sinh	05/5	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em
11	Ngày Thalassemia thế giới	08/5	Cục Dân số
12	Ngày quốc tế Điều dưỡng	12/5	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
13	Tháng hành động vì an toàn thực phẩm	15/4 - 15/5	Cục An toàn thực phẩm
14	Ngày Hen toàn cầu	tuần 1 tháng 5	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
15	Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động và Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường	Tháng 5 và Tuần 12-17/5	Cục Quản lý Môi trường y tế
16	Ngày Thế giới phòng, chống thuốc lá	31/5	Cục Quản lý Khám chữa bệnh Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá
17	Ngày Vi chất dinh dưỡng	01 - 02/6	Cục Y tế dự phòng Viện Dinh dưỡng quốc gia
18	Ngày Môi trường Thế giới	05/6	Cục Quản lý Môi trường y tế
19	Ngày Tôn vinh người hiến máu	14/6	Viện Huyết học truyền máu Trung ương
20	Ngày ASEAN phòng, chống sốt xuất huyết	15/6	Cục Y tế dự phòng
21	Tháng hành động phòng, chống ma túy và Ngày quốc tế phòng, chống lạm dụng ma túy (26/6)	Tháng 6 và Ngày 26/6	Cục Phòng chống HIV/AIDS
22	Ngày Gia đình Việt Nam	28/6	Cục Dân số
23	Tháng cao điểm Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	Tháng 6	Cục Phòng chống HIV/AIDS
24	Ngày Bảo hiểm y tế Việt Nam	01/7	Vụ Bảo hiểm y tế
25	Ngày Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân	02/7	Cục Quản lý Môi trường y tế
26	Ngày Dân số Thế giới	11/7	Cục Dân số
27	Ngày Thế giới phòng, chống viêm gan vi rút	28/7	Cục Y tế dự phòng
28	Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ	01 - 07/8	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em
29	Ngày Tránh thai Thế giới	26/9	Cục Dân số

30	Ngày Phòng ngừa tự tử	10/9	Cục Y tế dự phòng
31	Ngày an toàn người bệnh thể giới	17/9	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
32	Ngày Tim mạch Thế giới	27/9	Cục Y tế dự phòng Viện Tim mạch quốc gia
33	Ngày Thế giới phòng, chống bệnh đại	28/9	Cục Y tế dự phòng
34	Ngày Quốc tế Người cao tuổi	01/10	Cục Dân số
35	Tuần lễ làm mẹ an toàn	01-7/10	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em
36	Ngày Sức khỏe tâm thần Thế giới	10/10	Cục Y tế dự phòng
37	Ngày Thị giác Thế giới	10/10	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh Bệnh viện Mắt Trung ương
38	Ngày quốc tế Trẻ em gái	11/10	Cục Dân số
39	Ngày thế giới rửa tay với xà phòng	15/10	Cục Quản lý Môi trường y tế
40	Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển	16 - 23/10	Cục Y tế dự phòng Viện Dinh dưỡng quốc gia
41	Ngày mãn kinh thế giới	18/10	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em
42	Tuần lễ Nâng cao nhận thức về kháng sinh trên thế giới	01 Tuần trong Tháng 11	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
43	Ngày Pháp luật Việt Nam	09/11	Vụ Pháp chế
44	Ngày Thế giới phòng, chống đái tháo đường	14/11	Cục Y tế dự phòng
45	Ngày Thế giới vì trẻ sinh non	17/11	Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em
46	Ngày Nhà tiêu Thế giới	19/11	Cục Quản lý Môi trường y tế
47	Ngày Thế giới phòng, chống AIDS và Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS	01/12 và Tháng 12	Cục Phòng chống HIV/AIDS
48	Ngày Bao phủ sức khỏe toàn dân	12/12	Vụ Kế hoạch – Tài chính
49	Ngày Dân số Việt Nam (26/12) và Tháng hành động quốc gia dân số (tháng 12)	26/12 và Tháng 12	Cục Dân số
50	Ngày Thế giới phòng, chống dịch bệnh	27/12	Cục Y tế dự phòng

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

....., ngày tháng năm

MẪU BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác thông tin, truyền thông y tế 6 tháng/năm.....

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Đặc điểm tình hình.
2. Thuận lợi.
3. Khó khăn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong công tác tuyên truyền thực hiện chính sách, pháp luật về y tế.

Trong đó, nêu rõ một số nội dung sau:

- Số lượng các văn bản đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền ban hành chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về lĩnh vực y tế, trong đó, có công tác tuyên truyền; nội dung tham mưu và công tác triển khai thực hiện hoạt động tuyên truyền.

- Tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai công tác tuyên truyền của đơn vị.

2. Công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quốc tế về truyền thông công tác y tế.

Trong đó, nêu rõ một số nội dung sau:

- Số lượng các đơn vị phối hợp tuyên truyền (nếu có).

- Số lượng các hoạt động tập huấn, hội thảo, hội nghị, mít tinh, dự án truyền thông đã triển khai; số người tham dự.

3. Công tác phối hợp với các cơ quan truyền thông báo, đài.

Trong đó, nêu rõ một số nội dung sau:

- Số lượng các đơn vị ký hợp đồng phối hợp tuyên truyền (số đơn vị báo đài Trung ương, số đơn vị báo đài địa phương).

- Số lượng cung cấp thông tin y tế cho các cơ quan báo chí (qua email, hội nghị, văn bản,...).

- Số lượng các tin, bài, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục, ... đã thực hiện đối với từng cơ quan, đơn vị. Tỷ lệ tin bài, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục,

....tuyên truyền theo từng loại hình.

4. Tuyên truyền trực quan, in và phát hành ấn phẩm.

Trong đó, nêu rõ một số nội dung sau:

- Số loại ấn phẩm đã in, phát hành (Infographic, video clip, audio clip, pano, phướn, tờ rơi, tờ gấp...).

- Số lượng từng loại ấn phẩm đã phát hành, thời điểm phát hành.

5. Công tác tuyên truyền trên trang tin điện tử của địa phương, đơn vị.

Trong đó, nêu rõ một số nội dung sau:

- Số lượng tin, bài, video, giao lưu trực tuyến... đã đăng tải.
- Số lượng người theo dõi, truy cập.

6. Tuyên truyền qua mạng xã hội (fanpage, zalo, youtube, tiktok,..) và các hoạt động tuyên truyền khác.

Trong đó, nêu rõ một số nội dung sau:

- Số lượng kênh truyền thông mạng xã hội. Số lượng tin, bài, video, giao lưu trực tuyến... đã đăng tải.
- Số lượng người theo dõi, truy cập mỗi kênh.

7. Đánh giá chung

- Ưu điểm: đánh giá kết quả, hiệu quả của công tác thông tin, truyền thông y tế tác động đến thay đổi nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe.....

Các nội dung cần đánh giá ngắn gọn, nêu rõ những cách làm hay, sáng tạo, hình thức tuyên truyền hiệu quả, số liệu cụ thể trên địa bàn, tại đơn vị (nếu có).

- Tồn tại, hạn chế.
- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp.

III. KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN 06 THÁNG/NĂM TIẾP THEO

1. Định hướng truyền thông về công tác y tế.
2. Nhiệm vụ cụ thể.
3. Các giải pháp chủ yếu.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên đây là báo cáo của về kết quả thực hiện công tác thông tin, truyền thông y tế 6 tháng, năm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)